

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số... *36*.../2008/QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày *16* tháng *7* năm 2008

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẾN TRE	
ĐẾN	Số: <i>1533</i>
	Ngày: <i>21/7/08</i>
Chuyển:	

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế công nhận trường mầm non
đạt chuẩn quốc gia

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 03 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 166/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 9 năm 2004 về việc quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 04 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Mầm non,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Quyết định này thay thế Quyết định số 45/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia giai đoạn từ năm 2002 - 2005 và Quyết định số 25/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 22 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế


công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia giai đoạn từ năm 2002 đến 2005 ban hành kèm theo Quyết định số 45/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Mầm non, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- UB VHGD-TNTN&NĐ của Quốc hội;
- VP Chính phủ;
- Ban Tuyên giáo TW;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp (Cục K.tr.VBQPPL);
- Bộ LĐ-TB-XH;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ GD&ĐT;
- Công báo;
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ GDMN

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Vinh Hiển

QUY CHẾ

Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36 /2008/QĐ-BGDĐT
ngày 19 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia bao gồm: tiêu chuẩn trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, kiểm tra, xét công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, trách nhiệm của nhà trường, nhà trẻ, phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

2. Quy chế này áp dụng đối với trường mầm non, trường mẫu giáo (sau đây gọi chung là nhà trường), nhà trẻ trong hệ thống giáo dục quốc dân, thuộc các loại hình công lập, dân lập và tư thục.

Điều 2. Các mức độ công nhận

Trường mầm non đạt chuẩn quốc gia được chia làm 2 mức độ: mức độ 1 và mức độ 2.

1. Mức độ 1 quy định các tiêu chuẩn cần thiết của trường mầm non đạt chuẩn quốc gia đảm bảo tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục có chất lượng toàn diện.

2. Mức độ 2 quy định các tiêu chuẩn cần thiết của trường mầm non đạt chuẩn quốc gia để đảm bảo tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục có chất lượng toàn diện ở mức độ cao hơn mức độ 1.

Điều 3. Điều kiện và nguyên tắc

1. Căn cứ vào tiêu chuẩn quy định tại Chương II của Quy chế này, nhà trường, nhà trẻ đạt danh hiệu tiên tiến năm liền kề với năm đề nghị công nhận trường đạt chuẩn quốc gia được quyền đề nghị cấp có thẩm quyền kiểm tra, xét duyệt và công nhận đạt chuẩn quốc gia. Nhà trường, nhà trẻ qua kiểm tra chưa đạt chuẩn sẽ chỉ được đề nghị kiểm tra lại vào năm học sau.

2. Các tiêu chuẩn của trường mầm non đạt chuẩn quốc gia là những quy định bắt buộc và có giá trị như nhau để kiểm tra, xét duyệt và công nhận.

Điều 4. Thời hạn công nhận

Thời hạn công nhận nhà trường, nhà trẻ đạt chuẩn quốc gia là 5 năm, kể từ ngày ký quyết định công nhận. Trong thời hạn 5 năm, nếu nhà trường, nhà trẻ đã đạt chuẩn quốc gia vi phạm về tiêu chuẩn của Quy chế này thì tùy theo mức độ vi phạm, cơ quan có thẩm quyền xem xét để tiếp tục công nhận hoặc không công nhận nhà trường, nhà trẻ đạt chuẩn quốc gia.

Sau 5 năm kể từ ngày ký quyết định công nhận, nhà trường, nhà trẻ phải tự đánh giá, làm hồ sơ trình các cấp có thẩm quyền để được kiểm tra và công nhận lại.

Chương II

TIÊU CHUẨN TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

Mục 1

TIÊU CHUẨN TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA MỨC ĐỘ 1

Điều 5. Tổ chức và quản lý

1. Công tác quản lý

a) Nhà trường, nhà trẻ có kế hoạch hoạt động cho năm học, học kỳ, tháng và tuần; Có biện pháp và tổ chức thực hiện kế hoạch đúng tiến độ;

b) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, các tổ trưởng chuyên môn, nghiệp vụ có trách nhiệm quản lý, phân công hợp lý cán bộ, giáo viên, công nhân viên theo quy định của Điều lệ trường mầm non và Pháp lệnh Cán bộ, công chức;

c) Tổ chức và quản lý tốt các hoạt động hành chính, tài chính, quy chế chuyên môn, quy chế dân chủ, kiểm tra nội bộ, đổi mới công tác quản lý, quan hệ công tác và lễ lối làm việc trong nhà trường, nhà trẻ;

d) Quản lý và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, đảm bảo cảnh quan xanh, sạch, đẹp, an toàn;

đ) Lưu trữ đầy đủ và khoa học các hồ sơ, sổ sách phục vụ công tác quản lý của nhà trường, nhà trẻ;

e) Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định hiện hành;

g) Thường xuyên tổ chức và duy trì các phong trào thi đua theo hướng dẫn của ngành và quy định của Nhà nước;

h) Có biện pháp nâng cao đời sống cho cán bộ, giáo viên và công nhân viên trong nhà trường.

2. Công tác tổ chức

a) Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng có thời gian công tác liên tục trong giáo dục mầm non ít nhất là 5 năm đối với hiệu trưởng và 3 năm đối với các phó hiệu trưởng; có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng sư phạm mầm non trở lên, đã qua lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục và lý luận chính trị từ sơ cấp trở lên; có ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý và chỉ đạo chuyên môn;

b) Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng có năng lực quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường, nhà trẻ, nắm vững chương trình giáo dục mầm non; có phẩm chất đạo đức tốt, được giáo viên, cán bộ, nhân viên trong trường và nhân dân địa phương tín nhiệm; được xếp loại danh hiệu lao động từ tiên tiến trở lên.

3. Các tổ chức, đoàn thể và Hội đồng trong nhà trường, nhà trẻ

a) Hội đồng trường đối với nhà trường, nhà trẻ công lập, Hội đồng quản trị đối với nhà trường, nhà trẻ dân lập, tư thục và các hội đồng khác trong nhà trường, nhà trẻ được tổ chức và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non; chú trọng công tác giám sát hoạt động của nhà trường, nhà trẻ; giám sát việc thực hiện các Nghị quyết và Quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường, nhà trẻ;

b) Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh của nhà trường, nhà trẻ hoạt động có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của trường, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ;

c) Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp chặt chẽ với nhà trường, nhà trẻ trong các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, huy động được sự đóng góp của cộng đồng cho phong trào giáo dục mầm non của địa phương.

4. Chấp hành sự chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục các cấp

a) Nhà trường, nhà trẻ thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước liên quan đến giáo dục mầm non; Chấp hành nghiêm chỉnh sự quản lý của chính quyền địa phương; Chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch phát triển và các biện pháp cụ thể để nhà trường, nhà trẻ thực hiện mục tiêu giáo dục mầm non;

b) Nhà trường, nhà trẻ chấp hành sự chỉ đạo trực tiếp về chuyên môn, nghiệp vụ của phòng giáo dục và đào tạo, thực hiện đầy đủ các quy định về báo cáo với cơ quan quản lý cấp trên.

Điều 6. Đội ngũ giáo viên và nhân viên

1. Số lượng và trình độ đào tạo

Đảm bảo 100% số giáo viên và nhân viên đạt trình độ chuẩn về đào tạo và đủ về số lượng theo quy định của Điều lệ trường mầm non và các văn bản quy phạm pháp luật về định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; trong đó có ít nhất 20% số giáo viên trên chuẩn về trình độ đào tạo.

2. Phẩm chất, đạo đức và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Có ít nhất 50% số giáo viên, nhân viên đạt danh hiệu lao động tiên tiến và có 1 chiến sĩ thi đua từ cấp cơ sở trở lên. Không có cán bộ, giáo viên, nhân viên nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

b) Không có giáo viên bị xếp loại kém và có ít nhất 50% số giáo viên đạt loại khá và tốt theo quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

3. Hoạt động chuyên môn

a) Các tổ chuyên môn được hoạt động theo quy định của Điều lệ trường mầm non;

b) Nhà trường, nhà trẻ tổ chức định kỳ các hoạt động: trao đổi chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề, tham quan học tập kinh nghiệm và có báo cáo đánh giá cụ thể đối với từng hoạt động;

c) Giáo viên tham gia đầy đủ các hoạt động chuyên môn, chuyên đề và hoạt động xã hội do nhà trường, nhà trẻ tổ chức hoặc phối hợp tổ chức;

d) Giáo viên có ứng dụng công nghệ thông tin trong chăm sóc và giáo dục trẻ.

4. Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng

a) Có quy hoạch phát triển đội ngũ, có kế hoạch bồi dưỡng để tăng số lượng giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo;

b) Thực hiện nghiêm túc chương trình bồi dưỡng thường xuyên và bồi dưỡng hè, bồi dưỡng chuyên đề theo sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Từng giáo viên có kế hoạch và thực hiện tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Điều 7. Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ

Nhà trường, nhà trẻ thực hiện nhiệm vụ năm học và chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Kết quả hàng năm đạt:

1. 100% trẻ được bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần, không xảy ra dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm trong nhà trường, nhà trẻ.

2. 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

3. Tỷ lệ chuyên cần của trẻ: đạt 90% trở lên đối với trẻ 5 tuổi, 85 % trở lên đối với trẻ ở các độ tuổi khác (bao gồm cả trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo).

4. Sự tăng trưởng của trẻ

- a) Có ít nhất 85% trẻ đạt kênh A;
- b) Phục hồi dinh dưỡng cho ít nhất 80% trẻ bị suy dinh dưỡng;
- c) Có biện pháp hạn chế tốc độ tăng cân và bảo đảm sức khỏe cho trẻ béo phì.

5. Sự phát triển của trẻ

Có ít nhất 85% trẻ phát triển đạt yêu cầu theo hướng dẫn đánh giá về chuẩn phát triển trẻ em do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có ít nhất 80% trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ.

Điều 8. Quy mô trường, lớp, cơ sở vật chất và thiết bị

1. Quy mô trường nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo:

- a) Nhà trường, nhà trẻ có không quá 3 điểm trường.
- b) Số lượng trẻ và số lượng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo trong nhà trường, nhà trẻ theo quy định của Điều lệ trường mầm non; tất cả các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi và tổ chức cho trẻ ăn bán trú.

2. Địa điểm trường: nhà trường, nhà trẻ đặt tại trung tâm khu dân cư, thuận lợi cho trẻ đến trường, đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

3. Yêu cầu về thiết kế, xây dựng: Diện tích sử dụng đất của nhà trường, nhà trẻ theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Các công trình của nhà trường, nhà trẻ được xây dựng kiên cố. Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài bằng gạch, gỗ, kim loại hoặc cây xanh cắt tỉa làm hàng rào. Cổng chính có biển tên trường theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Trong khu vực nhà trường, nhà trẻ có nguồn nước sạch và hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh.

4. Các phòng chức năng:

a) Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo:

- Phòng sinh hoạt chung: Đảm bảo trung bình 1,5 - 1,8 m² cho một trẻ; đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng; nền nhà láng xi măng, lát gạch màu sáng hoặc gỗ. Có thể được dùng làm nơi ăn, ngủ cho trẻ mẫu giáo; nơi để đồ dùng phục vụ trẻ ngủ liền kề phòng sinh hoạt chung. Phòng sinh hoạt chung được trang bị đủ bàn ghế cho giáo viên và trẻ, đủ đồ dùng, đồ chơi sắp xếp theo chủ đề giáo dục, có tranh ảnh, hoa, cây cảnh trang trí đẹp, phù hợp. Tất cả đồ dùng, thiết bị phải đảm bảo theo đúng quy cách do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định;

- Phòng ngủ: Đảm bảo trung bình 1,2 - 1,5 m² cho một trẻ, yên tĩnh, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông với đầy đủ các đồ dùng phục vụ trẻ ngủ;

- Phòng vệ sinh: Đảm bảo trung bình 0,4 - 0,6 m² cho một trẻ, được xây khép kín hoặc liền kề với nhóm lớp, thuận tiện cho trẻ sử dụng, trung bình 10 trẻ có 1 bồn cầu vệ sinh. Chỗ đi tiêu, đi tiểu được ngăn cách bằng vách ngăn lửng cao 1,2 m. Kích thước mặt bằng của mỗi hố xí là 0,8 x 0,7 m, chiều rộng máng

tiểu là 0,16 - 0,18 m; đối với trẻ mẫu giáo phải có chỗ riêng cho trẻ em trai, trẻ em gái; Đối với trẻ nhà trẻ dưới 24 tháng trung bình 4 trẻ có 1 ghế ngồi bô. Có đủ nước sạch, vòi nước và xà phòng rửa tay. Các thiết bị vệ sinh bằng men sứ, kích thước phù hợp với trẻ;

- Hiên chơi (vừa có thể là nơi trẻ ăn trưa) đảm bảo trung bình 0,5- 0,7 m² cho một trẻ, chiều rộng không dưới 2,1 m; có lan can bao quanh cao 0,8 -1 m; khoảng cách giữa các thanh gióng đứng không lớn hơn 0,1 m; thuận tiện cho các sinh hoạt của trẻ khi mưa, nắng.

b) Khối phòng phục vụ học tập:

- Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật: có diện tích tối thiểu là 60 m², có gương áp tường và gióng múa, có trang bị các thiết bị điện tử và nhạc cụ, có tủ đồ dùng, đồ chơi âm nhạc, quần áo, trang phục, đạo cụ múa.

c) Khối phòng tổ chức ăn:

- Khu vực nhà bếp đảm bảo trung bình 0,3- 0,35 m² cho một trẻ được xây dựng theo quy trình vận hành một chiều: Nơi chế biến, bếp nấu, chỗ chia thức ăn. Đồ dùng nhà bếp đầy đủ, vệ sinh và được sắp xếp ngăn nắp, thuận tiện;

- Kho thực phẩm có phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, thực hiện đúng các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

d) Khối phòng hành chính quản trị

- Văn phòng trường: diện tích tối thiểu 30 m². Có bàn ghế họp và tủ văn phòng, các biểu bảng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Phòng hiệu trưởng: diện tích tối thiểu 15 m². Có đầy đủ các phương tiện làm việc và bàn ghế tiếp khách;

- Phòng các phó hiệu trưởng: diện tích và trang bị phương tiện làm việc như phòng hiệu trưởng;

- Phòng hành chính quản trị: diện tích tối thiểu 15 m². Có máy vi tính và các phương tiện làm việc;

- Phòng Y tế: diện tích tối thiểu 10 m². Có các trang thiết bị y tế và đồ dùng theo dõi sức khỏe trẻ. Có các biểu bảng thông báo các biện pháp tích cực can thiệp chữa bệnh và chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, trẻ béo phì, có bảng kế hoạch theo dõi tiêm phòng và khám sức khỏe định kỳ cho trẻ, có tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ;

- Phòng bảo vệ, thường trực: diện tích tối thiểu 6 - 8m², có bàn ghế, đồng hồ, bảng, sổ theo dõi khách;

- Phòng dành cho nhân viên: diện tích tối thiểu 16 m², có tủ để đồ dùng cá nhân;

- Khu vệ sinh cho giáo viên, cán bộ, nhân viên: diện tích tối thiểu 9 m². Có chỗ đại, tiểu tiện, rửa tay và buồng tắm riêng;

- Khu để xe cho giáo viên, cán bộ, nhân viên có mái che. Diện tích cho mỗi xe tối thiểu 0,9m².

5. Sân vườn: Diện tích sân chơi quy hoạch, thiết kế phù hợp. Có cây xanh, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp, tạo bóng mát sân trường. Có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ cây cối và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập. Khu vực trẻ chơi lát gạch, láng xi măng hoặc trồng thảm cỏ. Có ít nhất 5 loại đồ chơi ngoài trời đảm bảo an toàn, phù hợp với trẻ, hình dáng và màu sắc đẹp. Sân vườn thường xuyên sạch sẽ.

Điều 9. Thực hiện xã hội hóa giáo dục

1. Công tác tham mưu phát triển giáo dục mầm non.

Nhà trường là nòng cốt trong công tác tham mưu cho Hội đồng giáo dục cấp cơ sở, tham mưu cho cấp uỷ và chính quyền địa phương, các ban ngành về chủ trương xây dựng và các giải pháp huy động các nguồn lực phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn.

2. Các hoạt động xây dựng môi trường giáo dục nhà trường, gia đình, xã hội lành mạnh.

a) Nhà trường, nhà trẻ có các hoạt động tuyên truyền dưới nhiều hình thức để tăng cường sự hiểu biết trong cộng đồng và nhân dân về mục tiêu giáo dục mầm non, tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia và giám sát các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường nhằm thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục mầm non;

b) Nhà trường, nhà trẻ phối hợp tốt với gia đình, các bậc cha mẹ trong việc chăm sóc giáo dục trẻ và tạo điều kiện thuận lợi cho con em học tập; đảm bảo mối liên hệ thường xuyên giữa nhà trường, giáo viên và các bậc cha mẹ thông qua họp phụ huynh, trao đổi trực tiếp hoặc các hình thức khác để giúp trẻ phát triển;

c) Nhà trường, nhà trẻ chủ trì và phối hợp với các lực lượng trong cộng đồng và cha mẹ trẻ em để tổ chức các hoạt động lễ hội theo chương trình giáo dục mầm non phù hợp với truyền thống của địa phương.

3. Nhà trường, nhà trẻ huy động được sự tham gia của gia đình, cộng đồng và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân... nhằm tăng cường cơ sở vật chất và tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường, nhà trẻ.

Mục 2

TIÊU CHUẨN TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA MỨC ĐỘ 2

Điều 10. Tổ chức và quản lý

Ngoài các quy định tại Điều 5 của Quy chế này, điều chỉnh và bổ sung tiêu chí sau:

Hiệu trưởng có bằng tốt nghiệp từ đại học sư phạm mầm non trở lên.

Điều 11. Đội ngũ giáo viên và nhân viên

Ngoài các quy định tại Điều 6 của Quy chế này, điều chỉnh và bổ sung một số tiêu chí sau:

1. Có ít nhất 30% số giáo viên trên chuẩn về trình độ đào tạo.

2. Phẩm chất, đạo đức và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Có ít nhất 70% số giáo viên, nhân viên đạt danh hiệu lao động tiên tiến và có 1 chiến sĩ thi đua từ cấp cơ sở trở lên;

b) Không có giáo viên bị xếp loại kém và có ít nhất 70% số giáo viên đạt loại khá giỏi theo quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

c) Từng giáo viên có kế hoạch phấn đấu sau khi được đánh giá, xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Kế hoạch này phải được lưu trong hồ sơ cá nhân.

3. Hoạt động chuyên môn

a) Mỗi giáo viên đều có ít nhất một báo cáo cải tiến đổi mới phương pháp chăm sóc và giáo dục trẻ trong từng năm học;

b) Giáo viên có kế hoạch chăm sóc, giáo dục riêng cho trẻ bị suy dinh dưỡng, béo phì, trẻ tự kỷ, trẻ khuyết tật;

c) Có giáo viên dạy giỏi từ cấp huyện trở lên.

Điều 12. Chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ

Ngoài các quy định tại Điều 7 của Quy chế này, điều chỉnh, bổ sung một số tiêu chí sau:

1. Tỷ lệ chuyên cần của trẻ: đạt 95% trở lên đối với trẻ 5 tuổi, 90% trở lên đối với trẻ ở các độ tuổi khác (bao gồm cả trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo)

2. Sự tăng trưởng của trẻ:

a) Có ít nhất 95% trẻ đạt kênh A;

b) Phục hồi dinh dưỡng cho ít nhất 90% trẻ bị suy dinh dưỡng;

c) Có biện pháp hạn chế tốc độ tăng cân và bảo đảm sức khỏe cho trẻ béo phì.

3. Sự phát triển của trẻ:

Có ít nhất 95% trẻ phát triển đạt yêu cầu theo hướng dẫn đánh giá về chuẩn phát triển trẻ em do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có ít nhất 90% trẻ tàn tật, khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ.

Điều 13. Quy mô trường, lớp, cơ sở vật chất và thiết bị

Ngoài các quy định tại Điều 8 của Quy chế này, điều chỉnh, bổ sung một số tiêu chí sau:

1. Nhà trường, nhà trẻ có ít nhất 5 nhóm, lớp, được tập trung tại 1 điểm. Tất cả các nhóm, lớp đều chia theo độ tuổi và tổ chức cho trẻ ăn bán trú.

2. Phòng vi tính: có diện tích tối thiểu 40 m² với đầy đủ thiết bị phục vụ các hoạt động.

3. Phòng hội trường: Có diện tích tối thiểu 70 m² phục vụ các hoạt động ngày hội, ngày lễ lớn; có thể kết hợp là nơi trưng bày hiện vật, tranh ảnh, đồ dùng, đồ chơi chung của toàn trường.

4. Sân vườn có ít nhất 10 loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời, có khu chơi giao thông và sân khấu ngoài trời.

Điều 14. Thực hiện xã hội hóa giáo dục

Ngoài các quy định tại Điều 9 của Quy chế này điều chỉnh, bổ sung tiêu chí sau: Nhà trường, nhà trẻ tranh thủ được các nguồn tài trợ để nâng cao trình độ cho cán bộ, giáo viên và các thành viên của Hội đồng trường thông qua các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tham quan học tập trong và ngoài nước.

Chương III

KIỂM TRA, XÉT CÔNG NHẬN TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

Điều 15. Trình tự kiểm tra, xét công nhận

Trình tự kiểm tra, xét công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và mức độ 2 như sau:

1. Nhà trường, nhà trẻ tiến hành tự kiểm tra, đánh giá theo các tiêu chuẩn của mức độ 1 hoặc mức độ 2 được quy định tại Chương II của Quy chế này, báo cáo kết quả với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã). Nếu thấy nhà trường, nhà trẻ đã đạt chuẩn Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) tổ chức thẩm định kết quả kiểm tra, đánh giá.

2. Đoàn kiểm tra cấp huyện (gồm đại diện các cơ quan chức năng có liên quan do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ định) tiến hành thẩm định kết quả kiểm tra, đánh giá của cấp xã, báo cáo kết quả thẩm định cho Chủ tịch Ủy

ban nhân dân cấp huyện. Nếu thấy nhà trường, nhà trẻ đã đạt chuẩn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện làm văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) tổ chức thẩm định kết quả kiểm tra, đánh giá.

3. Đoàn kiểm tra cấp tỉnh (gồm đại diện các cơ quan chức năng có liên quan do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định) tiến hành thẩm định kết quả kiểm tra, đánh giá của cấp xã và cấp huyện, báo cáo kết quả thẩm định cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Nếu thấy nhà trường, nhà trẻ đạt chuẩn ở mức độ nào thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công nhận và cấp Bằng công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia ở mức độ đó. Bằng công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia theo mẫu quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (có mẫu kèm theo)

Điều 16. Nội dung kiểm tra, đánh giá

1. Nghe báo cáo chung của nhà trường, nhà trẻ theo các tiêu chuẩn trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 hoặc mức độ 2.

2. Kiểm tra theo các tiêu chuẩn :

a) Kiểm tra các hồ sơ, sổ sách: Kế hoạch năm học của nhà trường, nhà trẻ, kế hoạch giáo dục của giáo viên, sổ theo dõi đánh giá trẻ, sổ tài sản nhà trường, nhà trẻ và các văn bản sổ sách khác có liên quan đến các nội dung các tiêu chuẩn;

b) Dự giờ, khảo sát chất lượng tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của giáo viên, tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp và sự tham gia của trẻ trong quá trình hoạt động;

c) Kiểm tra cơ sở vật chất, thiết bị của nhà trường, nhà trẻ;

d) Thu thập ý kiến của các cá nhân và tổ chức trong và ngoài nhà trường, nhà trẻ về các vấn đề có liên quan đến nhà trường, nhà trẻ.

3. Lập biên bản kiểm tra, đánh giá nhà trường, nhà trẻ về từng tiêu chuẩn và kết luận tổng hợp các tiêu chuẩn.

Điều 17. Hồ sơ đề nghị công nhận

Hồ sơ đề nghị công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia nộp về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm:

1. Báo cáo của nhà trường, nhà trẻ về quá trình xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia theo từng tiêu chuẩn được quy định tại Chương II của Quy chế này.

2. Văn bản đề nghị công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký.

3. Biên bản kiểm tra trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ TRƯỜNG, NHÀ TRẺ,
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Điều 18. Trách nhiệm của nhà trường, nhà trẻ

Ban Giám hiệu nhà trường, nhà trẻ có trách nhiệm tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương, lập kế hoạch phấn đấu xây dựng và phát triển nhà trường, nhà trẻ để đạt các tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia; duy trì, giữ vững và phát huy các kết quả đã đạt sau khi được công nhận đạt chuẩn quốc gia.

Điều 19. Trách nhiệm của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo

Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo ở các địa phương có trách nhiệm:

a) Tham mưu với Ủy ban nhân dân các cấp trong việc lập kế hoạch xây dựng, đầu tư cho các trường mầm non, trường mẫu giáo, nhà trẻ trên địa bàn để đạt chuẩn quốc gia;

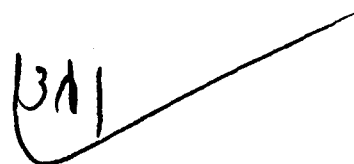
b) Đôn đốc, giám sát và kiểm tra các trường mầm non, trường mẫu giáo, nhà trẻ trong việc phấn đấu đạt chuẩn, duy trì các tiêu chuẩn đã đạt được;

c) Tham mưu với Ủy ban nhân dân các cấp về việc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thu hồi Quyết định và Bằng công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với nhà trường, nhà trẻ đã được công nhận đạt chuẩn nhưng không giữ vững và phát huy kết quả đạt được;

d) Hàng năm tiến hành tổng kết, đánh giá phong trào xây dựng và công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia ở địa phương;

đ) Định kỳ 6 tháng/lần các Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo kết quả xây dựng và công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia về Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Giáo dục Mầm non).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Vinh Hiển

Quy định về mẫu: **BẰNG CÔNG NHẬN**

Kích thước: 50cm x 65cm

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2008/QĐ-BGDĐT

ngày tháng năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Quốc huy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

BẰNG CÔNG NHẬN
TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH:

Công nhận:

ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

MỨC ĐỘ:

....., Ngày tháng năm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

QĐ số:

Vào sổ cấp bằng công nhận số ...

Ngày tháng năm